TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bản án số: 159/2020/HC-PT	
Ngày 27 tháng 5 năm 2020	
V/v khiếu kiện quyết định hành chính	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Tửu

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minhtham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 561/2018/TLPT-HC ngày 15/10/2018 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 681/2018/HC-ST ngày 29/5/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 381/2020/QĐ-PT ngày 24/3/2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1/ Ông Lê Minh Th, sinh năm 1976;

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Th1, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: 30/1A Ng, Phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Đào Trọng T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: 103A đường Tr, Phường 7, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Võ Thái H – Luật sư Công ty Luật HD, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Người bị kiện:

1/ Ủy ban nhân dân quận B.

Địa chỉ: 6A đường Ph, Phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

Địa chỉ: 6A đường Ph, Phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Hồ Ph – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B (xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1/ Ông Phan Ngọc Anh H1 – Trưởng Ban B1 (có mặt).

2/ Ông Nguyễn Văn D – Nhân viên Ban B1 (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần Đầu Tư V;

Địa chỉ: Số 7/1 đường Th, Phường 14, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc Tr (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Thu Th2 (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông Lê Minh Th, bà Nguyễn Thị Kim Th1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện - ông Lê Minh Th, bà Nguyễn Thị Kim Th1 và ông Đào Trọng T đại diện theo ủy quyền cho ông Th, bà Th1trình bày:

Nhà, đất tại số 30/1A đường Ng, Phường 22, quận B có nguồn gốc do vợ chồng ông Nguyễn Văn T1 và bà Lưu Thị Th3 tự xây dựng từ tháng 10/1985 trên phần đất do Xí nghiệp nạo vét trục vớt Đường sông 2 cấp năm 1982; Sau đó, ông T1 chia một phần nhà, đất cho 02 người con là ông Nguyễn Tấn Tr2 và bà Nguyễn Thị Kim Th1.

Ngày 06/6/2013, ông Lê Minh Th và bà Nguyễn Thị Kim Th1 nhận được Quyết định số 5762/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận B về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư và giải phóng mặt bằng đối với căn nhà số 30/1A (hộ tách) đường Ng, Phường 22, quận B(gọi tắt là Quyết định số 5762). Không đồng ý với quyết định trên nên ngày 01/7/2013 ông Th, bà Th1 làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

Ngày 22/8/2014, ông Th và bà Th1 nhận được Quyết định số 5654/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 về việc điều chỉnh Điều 1, Điều 2 Quyết định 5762/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận B (gọi tắt là Quyết định số 5654).

Ngày 09/9/2014, ông Th và bà Th1 tiếp tục gửi đơn khiếu nại lần 2 tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh do đã quá thời hiệu giải quyết khiếu nại lần 1 nhưng chưa nhận được văn bản trả lời chính thức của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B. Đến ngày 17/10/2014, mới có buổi làm việc chính thức đầu tiên với Ủy ban nhân dân quận B và các đơn vị liên quan để đối thoại

công khai kết quả xác minh thu thập chứng cứ để giải quyết khiếu nại (sau khi gửi đơn từ ngày 01/7/2013).

Ngày 18/12/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 9496/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 về giải quyết đơn khiếu nại. Không đồng ý với quyết định trên, ngày 28/02/2014 ông Th và bà Th1 gửi đơn khiếu nại tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 14/01/2016, ông Th và bà Th1 nhận được quyết định giải quyết khiếu nại số 126/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông Th và bà Th1, nội dung:Công nhận một phần nội dung khiếu nại, bác các nội dung khiếu nại khác của ông Th và bà Th1.

Ngày 17/3/2016, ông Th và bà Th1 có đơn đến Ủy ban nhân dân quận B, yêu cầu thực hiện theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 126/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18/3/2016, ông Th và bà Th1 được Ủy ban nhân dân quận B bàn giao bản chiết tính bổ sung bồi thường theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 126/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 05/4/2016, ông Th và bà Th1 nhận được Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 về bổ sung Điều 1 của Quyết định số 5654.

Không đồng ý với các quyết định trên, ông Th và bà Th1 nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Đơn khởi kiện, người khởi kiện ông Th và bà Th1 yêu cầu hủy một phần Quyết định số 5762/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận B về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà số 30/1A (hộ tách) đường Ng, Phường 22, quận B của ông Lê Minh Th, bà Nguyễn Thị Kim Th1; yêu cầu được xem xét tính giá thu hồi tại thời điểm thu hồi đất theo giá thị trường, yêu cầu được bồi thường 100% đối với phần diện tích 36,2m^2 bị cho rằng vi phạm lộ giới và yêu cầu được tái định cư tại chỗ.

Ngày 27/10/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 9173/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với nhà, đất tại số 30/1A (hộ tách) Ng, Phường 22, quận B của ông Th và bà Th1 (gọi tắt là Quyết định số 9173), theo đó thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất từ ngày 12/11/2016 đến ngày 30/11/2016. Không đồng ý với quyết định trên, ngày 09/11/2016, người khởi kiện ông Th và bà Th1 có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu hủy Quyết định số 9173. Tiếp sau đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B liên tục ban hành các Quyết định số 9901/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 và Quyết định số 9862/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 9173. Do không đồng ý với các quyết định trên nên ông Th và bà Th1 có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu hủy Quyết định số 9862/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 9173 về cưỡng chế thu hồi đất.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại Tòa án, người khởi kiện ông Th và bà Th1 có Đơn yêu cầu đo vẽ lại nhà, đất số 30/1A (hộ tách) đường Ng, Phường 22, quận B. Theo Hợp đồng đo đạc số 124/2017/HĐ-TTKĐ ngày 20/3/2017 thì đến ngày 17/5/2017 Trung tâm kiểm định bản đồ và tư vấn Tài nguyên Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có bản vẽ số HĐ: 124/2017/HĐ-TTKĐ, theo đó phần diện tích 36,2 m^2 không bị vi phạm lộ giới.

Ngày 28/11/2017, Ủy ban nhân dân quận B ban hànhQuyết định số 9534/QĐ-UBND về điều chỉnh bổ sung Quyết định số 5654 ngày 12/8/2014 (gọi tắt là Quyết định số 9534), bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất tại căn nhà 30/1A (hộ tách)đường Ng, Phường 22, quận B của ông Th và bà Th1 với số tiền là 1.368.360.000 đồng.

Không đồng ý với quyết định trên, ngày 14/12/2017, người khởi kiện có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 9534/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 của Ủy ban nhân dân quận B về việc điều chỉnh bổ sung Quyết định số 5654, cụ thể: Yêu cầu được công nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân quận B phần diện tích 36,2 m^2 mà Ủy ban nhân dân quận B cho rằng vi phạm lộ giới đường hiện hữu là đất ở;Yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B bồi thường toàn bộ chi phí đo đạc lại nhà đất bị thu hồi là 20.000.000 đồng và tổn thất về tinh thần trong quá trình thực hiện đo đạc đến thời điểm nhận được Quyết định số 9534/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 của Ủy ban nhân dân quận B là 10.000.000 đồng.

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B do ông Hồ Ph đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về nguồn gốc nhà, đất:

Nhà, đất tại địa chỉ số 30/1A (hộ tách) đường Ng, Phường 22, quận B có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn T1 tự xây dựng từ tháng 10/1985 trên phần đất do Xí nghiệp nạo vét trục vớt Đường sông 2 cấp năm 1982. Năm 1997, ông T1 cho con ruột là bà Nguyễn Thị Kim Th1 một phần nhà, đất; Theo tờ đăng ký nhà, đất năm 1999 do bà Nguyễn Thị Kim Th1 đứng tên kê khai diện tích khuôn viên 114 m^2, diện tích xây dựng 49,5 m^2, số tầng 1 + 1 lửng, cấu trúc tường xây + ván, cột gạch, sàn gỗ mái tôn, nhà đất do cha mẹ để ở từ năm 1997 sử dụng đến nay.

Về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quá trình giải quyết khiếu nại:

Căn cứ Quyết định số 2720/QĐ-UB ngày 18/6/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minhhành phố về việc thu hồi và giao đất cho Công ty Th4 để đầu tư xây dựng khu nhà ở cao tầng lô 13 – 14 (giai đoạn 2), tại Phường 22, quận B;

Căn cứ Quyết định số 1365/QĐ-UB ngày 02/4/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minhhành phố ban hành về điều chỉnh bổ sung Quyết định số 2720/QĐ-UB ngày 18/6/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí

Minhhành phố về giao phần diện tích đất thu hồi cho Công ty trách nhiệm hữu hạn nông sản V để thực hiện dự án Lô 13 – 14 (giai đoạn 2) tại Phường 22, quận B;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Theo quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, (ban hành kèm theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minhhành phố); Phương án số 110/PA-UBND ngày 13/4/2009 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Khu nhà ở cao tầng lô 13 -14 (giai đoạn 2) tại Phường 22, quận B đã được Ủy ban nhân dân quận B phê duyệt tại Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 15/4/2009;

Tại Điển a Khoản 7 Mục B.2 Phần II của Phương án quy định trường hợp đất đang sử dụng thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP:*"Lấn, chiếm đất sử dụng cho mục đích công cộng, đất chuyên dùng, đất của tổ chức, đất chưa sử dụng và các trường hợp vi phạm khác đã có văn bản ngăn chặn nhưng người sử dụng đất vẫn cố tình vi phạm"* – Trường hợp sử dụng trước ngày 15/10/1993: *"Mục đích sử dụng là đất ở thì được xét hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở để tính bồi thường. Diện tích để tính hỗ trợ là diện tích đang sử dụng thực tế nhưng không quá 100m^2/hộ..."*.

Tại Điểm a Khoản 2 Mục C Phần VIII của Phương án quy định đối với nhà, ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt không có giấy tờ hợp lệ: *"Trường hợp tại thời điểm xây dựng đã vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền công bố: tính hỗ trợ bằng 50% giá trị công trình theo đơn giá xây dựng mới (suất vốn đầu tư) của nhà, công trình do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minhhành phố ban hành"*.

Căn cứ Bản vẽ hiện trạng phục vụ công tác bồi thường do Công ty TNHH đo đạc xây dựng thương mại H2 lập ngày 21/12/2011 và Bản đồ hiện trạng vị trí số 113418/ĐĐBĐ-VPTT do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 11/10/2013, có gắn ranh vị trí khu đất trên tài liệu bản đồ 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ để làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ ông Lê Minh Th – bà Nguyễn Thị Kim Th1 với diện tích khuôn viên là 131,5 m^2, trong đó 71,9 m^2 thuộc một phần thửa 168 loại đất Thổ tập trung; diện tích 23,4 m^2 thuộc một phần thửa 176 do Xí nghiệp nạo vét đường sông 2 đăng ký và một phần đường (a) diện tích 36,2 m^2.

Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định số 5762/QĐ-UBND ngày 05/6/2013, Quyết định số 5654/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 về việc bồi

thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà 30/1A (hộ tách) đường Ng, Phường 22, quận B của ông Lê Minh Th và bà Nguyễn Thị Kim Th1, cụ thể:

- Về đất:

+ Đối với diện tích 71,9 m^2 thửa 168 Thổ tập trung được bồi thường bằng 100% đơn giá đất ở;

+ Đối với phần diện tích 23,4 m^2 thuộc thửa 176 do Xí nghiệp Nạo vét Trục vớt đường sông II đăng ký sử dụng, không được bồi thường, chỉ xét hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở theo quy định;

+ Phần diện tích 36,2 m^2 lấn đường (a) không được bồi thường, chỉ xét hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở theo quy định;

- Về cấu trúc: Toàn bộ diện tích xây dựng 133,6m^2 (theo bản vẽ hiện trạng) đã tự sửa chữa xây dựng sau ngày kê khai năm 1999 (vi phạm công bố quy hoạch theo Quyết định số 3009/QĐ-UB ngày 26/11/1992), tính hỗ trợ bằng 50% đơn giá xây dựng mới theo quy định;

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là: 5.024.458.000 đồng.

- Về tái định cư: Hộ ông Lê Minh Th, bà Nguyễn Thị Kim Th1 được giải quyết mua một căn hộ số B1-10.12, tầng 10, diện tích thiết kế 49,98 m^2 tại chung cư Tr3, Phường 17, quận B.

Ngày 18/12/2014, Ủy ban nhân dân quận B có Quyết định số 9496/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của hộ ông Th và bà Th1, theo đó không công nhận phần nội dung khiếu nại về diện tích đất và Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định số 5654/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 về điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 5762/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 (đối với phần diện tích 23,4 m^2 thuộc thửa 176 Xí nghiệp nạo vét Trục vớt Đường sông II đăng ký sử dụng, không được bồi thường, chỉ xét hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở). Không công nhận giải quyết một phần nội dung khiếu nại của hộ ông Th, bà Th1 đối với Quyết định số 5762/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận B về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà số 30/1A (hộ tách) đường Ng, Phường 22, quận B về việc áp giá bồi thường không phù hợp thực tế; đề nghị được trực tiếp thương lượng giá với chủ đầu tư; đề nghị được bồi thường 100% phần diện tích theo hiện trạng đang ở; đề nghị được tái định cư tại chỗ hoặc giảm giá căn hộ chung cư Tr3.

Ngày 13/01/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minhhành phố có Quyết định số 126/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Minh Th – bà Nguyễn Thị Kim Th1, theo đó yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B điều chỉnh Quyết định số 9496/QĐ-UBND ngày 08/12/2014 về giải quyết đơn khiếu nại của ông Th, bà Th1, trong đó công nhận phần nội dung khiếu nại yêu cầu được bồi thường 100% đơn giá đất đối với phần đất có diện tích 23,4 m^2 thuộc thửa 176; hộ ông Th, bà Th1 đủ điều kiện tái

định cư theo quy định. Bác các nội dung khiếu nại đề nghị bồi thường đơn giá đất khoảng 75.000.000đồng/m^2, chủ đầu tư dự án phải làm việc trực tiếp thỏa thuận đơn giá bồi thường và yêu cầu được bồi thường 100% đơn giá đất đối với phần diện tích 36,2 m^2 là đất lấn đường (a).

Ngày 04/4/2016, Ủy ban nhân dân quận B đã có Quyết định số 1786/QĐ-UBND về việc bồi thường bổ sung về đất đối với căn nhà số 30/1A (hộ tách) đường Ng, Phường 22, quận B của ông Th, bà Th1 với số tiền (23,4m^2 x 54.000.000 đồng/m^2 x 70%) = 884.520.000 đồng.

Tuy nhiên, hộ ông Th, bà Th1 vẫn chưa đồng ý nhận tiền nên ngày 11/5/2016, Ban B1 quận B đã mở sổ tiết kiệm toàn bộ số tiền (5.024.458.000 đồng + 884.520.000 đồng) = 5.908.978.000 đồng vào Ngân hàng và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh B theo quy định.

Trong quá trình thụ lý giải quyết tại Tòa án, người khởi kiện bổ sung yêu cầu được công nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân quận B đối với phần diện tích 36,2 m^2 mà Ủy ban nhân dân quận cho rằng vi phạm lộ giới đường hiện hữu và bồi thường toàn bộ về chi phí đo đạc lại nhà, đất bị thu hồi là 20.000.000 đồng và tổn thất tinh thần là 10.000.000 đồng:

Theo Bản vẽ hiện trạng phục vụ công tác bồi thường giải tỏa ngày 21/12/2011 và bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm Đo đạc Bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 11/10/2013 thì diện tích khuôn viên nhà đất bị giải tỏa là 131,5 m^2, trong đó có 36,2 m^2 có một phần (a) đường theo TL299/TTg nên Ủy ban nhân dân quận tính hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở để tính bồi thường. Theo ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm Kiểm định và tư vấn Sở Tài nguyên và Môi trường phát hành ngày 17/5/2017 (đo theo yêu cầu của ông Th), diện tích khuôn viên nhà đất bị giải tỏa là 131,6 m^2 và không có (a) đường.

Ngày 28/11/2017, Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định số 9534 về việc bồi thường (bổ sung) đối với phần diện tích đất ở 36,2 m^2. Như vậy, Ủy ban nhân dân quận B đã bồi thường công nhận toàn bộ diện tích 131,6 m^2 của ông Th đang sử dụng là đất ở. ông Th và bà Th1 yêu cầu có văn bản công nhận phần diện tích 36,2 m^2 là đất ở là không cần thiết và việc yêu cầu bồi thường về chi phí đo đạc, tiền tổn thất tinh thần là không có cơ sở.

Về việc thực hiện cưỡng chế thu hồi đất:

Căn cứ Khoản 1 Điều 49 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (ban hành kèm theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minhhành phố) về cưỡng chế thu hồi đất: Ngày 27/10/2016, Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định số 9173/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi diện tích 131,5 m^2 tại số 30/1A (hộ tách) đường Ng, Phường 22, quận B đối với ông Th và bà Th1 để thực hiện dự án xây dựng Khu nhà ở cao tầng Lô 13 – 14 (giai đoạn 2) là đúng quy định.

Ngày 14/12/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 9862/QĐ-UBND về điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 9173, nội dung của quyết định này chỉ điều chỉnh thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất nêu tại Điều 1 Quyết định số 9173, các nội dung khác của Quyết định số 9173 được giữ nguyên.Do đó, yêu cầu của người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 9173 và Quyết định số 9862 về cưỡng chế thu hồi đất là không có cơ sở.

Như vậy, căn cứ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất thì việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng đối với căn nhà số 30/1A (hộ tách) đường Ng, Phường 22, quận B là đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty cổ phần đầu tư V do bà Phan Thị Thu Th2 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ Quyết định số 5672/QĐ-UNBND ngày 05/6/2013; Quyết định số 5654/QĐ-UBND ngày 12/8/2014; Quyết định số 11010/QĐ-UBND ngày 26/8/2015 và Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 của Ủy ban nhân dân quận B, Công ty Cổ phần đầu tư V đã chuyển đủ số tiền đền bù theo các quyết định nêu trên theo quy định không trừ giá trị thanh toán căn hộ. Toàn bộ số tiền này được gửi vào ngân hàng quỹ tiền mua căn hộ vẫn phát sinh lãi và tăng mức sinh lợi. Mặc dù đã có quyết định được giải quyết tái định cư tại căn hộ B1-10.12, tầng 10 chung cư Tr3, Phường 17, quận B nhưng ông Th và bà Th1 vẫn không đồng ý. Công ty và Ban bồi thường quận B nhiều lần tiến hành thỏa thuận, vận động gia đình nhưng ông Th và bà Th1 vẫn không đồng ý với phương án đền bù và bày tỏ ý kiến không chấp nhận tái định cư tại căn hộ số B1-10.12 tại chung cư Tr3. Do đó, Công ty buộc phải bán căn hộ B1-10.12 cho người khác để giảm thiểu thiệt hại về kinh tế cho công ty trong lúc chờ đợi sự phản hồi từ Thông và bà Th1. Nhưng bên cạnh đó, Công ty vẫn đảm bảo cho hộ ông Th, bà Th1 được bố trí vào một căn hộ đầy đủ tiện nghi và có giá trị tương tự như căn hộ B1-10.12, tầng 10 chung cư Tr3.

Ngày 27/12/2017, Ủy ban nhân dân quận B đã thực hiện cưỡng chế nhà và đất của hộ Thông, bà Th1. Trong quá trình thực hiện Ủy ban nhân dân quận B đã có văn bản bố trí tạm cư và di dời đồ đạc của hộ này vào căn hộ khác thuộc chung cư Trương Sa nhưng ông Th, bà Th1 vẫn không đồng ý chấp nhận. Theo biên bản làm việc của Tổ công tác trong lúc di dời đồ đạc và con người đến chỗ tạm cư đã ghi nhận lại: Đại diện hộ này có nguyện vọng đưa về căn hộ khác của gia đình và không có nhu cầu chuyển về chung cư Tr3 để tạm cư.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 681/2018/HC-ST ngày 29/5/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Áp dụng Khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 158; Điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;

Áp dụng Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Th, bà Nguyễn Thị Kim Th1 về việc yêu cầu hủy các quyết định:

1.1. Hủy một phần Quyết định số 5762/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận B về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà số 30/1A (hộ tách) đường Ng, Phường 22, quận B của ông Lê Minh Th, bà Nguyễn Thị Kim Th1.

1.2. Hủy Quyết định số 9173/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về cưỡng chế thu hồi đất.

1.3. Hủy Quyết định số 9534/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 của Ủy ban nhân dân quận B về việc điều chỉnh bổ sung Quyết định số 5654/QĐ-UBND ngày 12/08/2014 của Ủy ban nhân dân quận B.

1.4. Hủy Quyết định số 9862/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 9173/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 về cưỡng chế thu hồi đất.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của người khởi kiện ông Th, bà Th1 về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B trả lại chi phí đo vẽ là 10.199.000 đồng.

Ủy ban nhân dân quận B có trách nhiệm trả lại cho người khởi kiện ông Th, bà Th1 chi phí đo vẽ là 10.199.000 đồng.

3.Không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần là 10.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 8/6/2018, người khởi kiện ông Lê Minh Th và bà Nguyễn Thị Kim Th1 kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy một phần Quyết định số 5762/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận B về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà số 30/1A (hộ tách) đường Ng, Phường 22, quận B của ông Lê Minh Th, bà Nguyễn Thị Kim Th1. Buộc UBND quận B xem xét tính lại giá đất tại thời điểm có quyết định bồi thường vào tháng 06/2013 làm cơ sở bồi thường và buộc áp dụng hình thức tái định cư theo phương án số 85/PA-UBND đã được lấy ý kiến của người dân có đất bị thu hồi. Yêu cầu hủy các quyết định về cưỡng chế thu hồi đất và các quyết định có liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

ông Th và bà Th1 kháng cáo không đồng ý với Quyết định số 5762/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận B, về các vấn đề: đơn giá đất áp dụng bồi thường, vấn đề sắp xếp tái định cư khi giải phóng mặt bằng và cưỡng chế, thu hồi đất. Tuy nhiên, do toàn bộ khu nhà và đất đã bị thu hồi, cưỡng chế xong nên đại diện ủy quyền của người khởi kiệnrút lại kháng cáo đối với Quyết định số 9173/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bvà Quyết định số 9862/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

Đối với yêu cầu kháng cáo về đơn giá bồi thường, tái định cư thì giữ nguyên. Đồng ý việc thoả thuận lại với Uỷ ban nhân dân quận B vàBan B1 quận B nên đề nghị Hội đồng xét xử huỷ các quyết định về phần bồi thường và được xác định lại tái định cư theo thỏa thuận như ý kiến của UBND.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày:

Chấp nhận việc rút kháng cáo về các quyết định cưỡng chế, thu hồi đất của đại diện người khởi kiện.

Về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư thì căn cứ Quyết định bổ sung 1365/QĐ-UBND ngày 02/4/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minhđã giao cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản V (nay là Công ty Cổ phần Đầu Tư V) để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng khu đất là đúng, nhưng không thuộc trường hợp doanh nghiệp phải thương lượng với người bị thu hồi đất. Phương án bồi thường từ năm 2009, đến năm 2012 mới ban hành Quyết định bồi thường, nhưng vẫn áp giá theo phương án bồi thường năm 2009 là do điều kiện khách quan, đồng thời bảng giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công bố ở cùng vị trí tại thời điểm bồi thường cũng chỉ là 16.600.000đ/m^2. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện nên UBND cũng có văn bản yêu cầu các bên liên quan thỏa thuận lại việc tái định cư.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện rút kháng cáođối với Quyết định số 9173/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Quyết định số 9862/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

Đối với kháng cáo Quyết định số 5762/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận B về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Do đại diện người khởi kiện chấp nhận thỏa thuận lại và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp

pháp của người bị kiện xác nhận đã bán căn hộ chung cư bồi thường cho hộ ông Thnên đồng ý thỏa thuận lại về giá bồi thường và vị trí căn hộ tái định cư theo quy định.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các Quyết định số 9173/QĐ-UBND và Quyết định số 9862/QĐ-UBND. Sửa một phần bản án sơ thẩm, hủy một phần Quyết định số 5762/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận B để các đương sự thỏa thuận lại về giá bồi thường và vị trí căn hộ tái định cư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ nộp án phí của đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Ủy ban nhân dân quận B có yêu cầu vắng mặt khi xét xử, Công ty Cổ phần Đầu Tư V đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc khởi kiện của ông Th, bà Th1 còn trong thời hiệu khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

[1.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện xác định hiện nay toàn bộ khu nhà, đất đã thu hồi, cưỡng chế xong nên rút lại kháng cáo đối với các quyết định: Quyết định số 9173/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Quyết định số 9862/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đồng ý việc rút đơn kháng cáo của người khởi kiện phần này.

Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người khởi kiện đối với các quyết định nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Lê Minh Th, bà Nguyễn Thị Kim Th1 yêu cầu huỷ một phần Quyết định số 5762/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận B về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà số 30/1A và các Quyết định sửa đổi bổ sung, quyết định giải quyết khiếu nại… liên quan đến việc áp giá bồi thường về đất không thoả đáng đối với

phần đất, tài sản mà ông Th, bà Th1 chưa được nhận bồi thường vì cho rằng UBND công bố phương án bồi thường vào năm 2009, nhưng đến năm 2013 mới ban hành Quyết định bồi thường, nhưng vẫn áp giá bồi thường theo phương án năm 2009.

[2.2] Người bị kiện cho rằng khu nhà, đất của Lê Minh Th, bà Nguyễn Thị Kim Th1 bị thu hồi bởi Quyết định 2720/QĐ-UB ngày 18/6/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Công ty Th4 để đầu tư xây dựng khu nhà ở cao tầng. Ngày 02/4/2007, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1365/QĐ-UBND về việc giao cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản V (nay là Công ty Cổ phần Đầu Tư V) để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, nhưng khu đất không thuộc trường hợp doanh nghiệp phải thương lượng với người bị thu hồi đất. Còn việc ban hành phương án bồi thường từ năm 2009, đến năm 2012 mới ban hành quyết định bồi thường, nhưng vẫn áp giá theo phương án bồi thường năm 2009 là do điều kiện khách quan, đồng thời bảng giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công bố ở cùng vị trí tại thời điểm bồi thường cũng chỉ là 16.600.000đ/m^2.

Do đó, việc ban hành Quyết định số 5762/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận B về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà số 30/1A (hộ tách) đường Ng, Phường 22, quận B của ông Lê Minh Th, bà Nguyễn Thị Kim Th1 và các quyết định liên quan đối với việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cưỡng chế ... là đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Xét kháng cáo của ông Lê MinhTh, bà Nguyễn Thị Kim Th1.

[2.3.1] Ngày 18/6/2003 UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2720/QĐ-UB về việc thu hồi đất và giao cho Công ty Th4 diện tích 13.070m^2tại phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để đầu tư xây dựng khu nhà ở cao tầng lô 13 -14, trong đó có phần diện tích nhà, đất của hộ ông Lê MinhThông, bà Nguyễn Thị Kim Th1. Nếu như tại thời điểm này UBND Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng giao đất để tiến hành xây dựng công trình để thực hiện dự án chỉnh trang đô thị do Nhà nước là chủ thể bồi thường, hỗ trợ, theo quy định trường hợp không thuộc diện đất thu hồi là đúng.

Tuy nhiên, ngày 02/4/2007, UBND Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định bổ sung số 1365/QĐ-UBND điều chỉnh bổ sung Quyết định 2720/QĐ-UB với nội dung giao phần diện tích thu hồi đất theo Quyết định 2720/QĐ-UB cho chủ đầu tư mới là công ty TNHH nông sản V (nay là Công ty Cổ phần Đầu Tư V) để tiếp tục thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

[2.3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện xác định Công ty Cổ phần Đầu Tư V là doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tư nhân và hoạt động mang mục đích thương mại; dự án công ty này làm chủ đầu tư xây dựng căn hộ trên khu đất thu hồi, trong đó có phần đất của ông Th, bà Th1 thì Công ty chừa ra khoảng 50 đến 60 căn hộ để bán cho các hộ

tái định cư (giảm 10% so với giá bán thương mại), số còn lại đều bán theo giá thương mại. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện còn trình bày khoản tiền bồi thường cho các hộ dân bị thu hồi đất là của Công ty Cổ phần Đầu Tư V chi ra giao cho Ban B1 để bồi thường cho họ.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định chủ thể đứng ra bồi thường là doanh nghiệp, phù hợp với nội dung Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 02/4/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh *"...giao phần diện tích thu hồi đất theo Quyết định 2720/QĐ-UB cho chủ đầu tư mới là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản V để tiếp tục thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng..."*. Do đó, khi thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ … cho người có tài sản bị giải tỏa, thu hồi thì phải căn cứ vào quy định của pháp luật đối với loại dự án này thì mới đảm bảo quyền lợi chính đáng của người bị giải tòa, thu hồi đất.

[2.3.3] Về đơn giá bồi thường:

UBND quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho công bố phương án bồi thường số 110/PA-UBND vào ngày 13/4/2009, đơn giá đất theo công văn 788/UBND -ĐTMT ngày 26/02/2009 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh thì vị trí mặt tiền đường Ng là 54.000.000/m^2.

Ngày 06/6/2013 ông Lê Minh Th nhận được Quyết định 5762/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của UBND quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ tái định cư và giải phóng mặt bằng đối với căn nhà số 30/1A (hộ tách) đường Ng, phường 22, quận B.

Không đồng ý với Quyết định nêu trên ông Lê Minh Th khiếu nại và UBND quận B đã lần lượt có nhiều Quyết định sửa đổi, bổ sung và các quyết định giải quyết khiếu nại bởi các quyết định: Quyết định số 5762/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận B về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà số 30/1A (hộ tách) đường Ng, Phường 22, quận B của ông Lê Minh Th, bà Nguyễn Thị Kim Th1; Quyết định số 5654/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của Ủy ban nhân dân quận B về việc điều chỉnh Điều 1, Điều 2 Quyết định 5762/QĐ-UBND ngày 05/6/2013; Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 của Ủy ban nhân dân quận B về bổ sung Điều 1 của Quyết định số 5654/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của Ủy ban nhân dân quận B; Quyết định số 9534/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 của Ủy ban nhân dân quận B về việc điều chỉnh bổ sung Quyết định số 5654/QĐ-UBND ngày 12/08/2014 của Ủy ban nhân dân quận Bvề việc áp giá bồi thường 54.000.000 đồng/m^2; Quyết định số 2898/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của Ủy ban nhân dân quận B về việc điều chỉnh Quyết định số 5654/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của Ủy ban nhân dân quận B.

Sau đó, do ông Th và bà Th1 không chấp hành các quyết định nêu trên nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành các Quyết định số 9173/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 về cưỡng chế thu hồi đất, Quyết định số 9901/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 9173/QĐ-

UBND ngày 27/10/2016, Quyết định số 9862/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 9173/QĐ-UBND ngày 27/10/2016.

Như vậy, việc dự án nêu trên được UBND quận B công bố phương án bồi thường vào năm 2009, nhưng mãi đến năm 2013 mới ban hành Quyết định bồi thường và vẫn áp giá bồi thường theo phương án năm 2009 là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Th, bà Th1. Thực tế, tại thời điểm này giá đất theo Ngân hàng thẩm định giá thì cũng cao hơn 54.000.000đ/m^2.

Mặt khác, Quyết định 5762/QĐ-UBND của UBND quận B ban hành ngày 05/6/2013, nhưng sau đó quyết định này lại liên tục bị Ủy ban nhân dân quận Bsửa đổi bởi các quyết khác trong đó có Quyết định số 9534/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân quận Bđược ban hành vào ngày 28/11/2017, nếu vẫn bồi thường theo giá của UBND quận B đã xác định vào năm 2009 thì lại càng thiệt hại hơn đến quyền lợi hợp pháp của ông Th, bà Th1.

[2.3.4] Về tái định cư:

Việc ông Th, bà Th1 không được tái định cư tại chỗ mà phải tái định cư tại nơi khác (Lô B1-10-29 tầng 10) là đã thiệt thòi cho ông Th, bà Th1. Tuy nhiên, đơn vị chủ đầu tư lại bán lô tái định cư này với giá kinh doanh như những hộ dân khác không bị giải tỏa là không đảm bảo quyền lợi của ông Th, bà Th1. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cũng thừa nhận về việc thay đổi vị trí căn hộ tái định cư so với quy định đã ban hành trước đây mà chưa có ý kiến thống nhất của ông Th, bà Th1 là chưa đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện có yêu cầu được thỏa thuận với UBND quận B và ban bồi thường, giải tỏa. Đồng thời người bị kiện có văn bản và có ý kiến yêu cầu được thỏa thuận lại việc tái định cư với người khởi kiện, ý kiến này được người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện xác định lại tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, cần chấp nhận ý kiến của các đương sự về phần này và phần giải quyết tái định cư đối với ông Th, bà Th1 coi như đến nay chưa thực hiện xong.

[2.3.5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Th và bà Th1, sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th, bà Th1. Huỷ một phần Quyết định số 5762/QĐ-UBND và hủy toàn bộ các quyết định: Quyết định số 5654/QĐ-UBND; Quyết định số 1786/QĐ-UBND; Quyết định số 9534/QĐ-UBND; Quyết định số 2898/QĐ-UBND và Quyết định số 9496/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Minh Th, bà Nguyễn Thị Kim Th1.

[3] Về án phí:

[3.1] Uỷ ban nhân dân quận B và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân quận Bphải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

[3.2] Ông Lê Minh Th, bà Nguyễn Thị Kim Th1 không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Th và bà Th1200.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0031148 ngày 22/9/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và hoàn lại mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu số 0044864 và 0044865 cùng ngày 18/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 229, khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của người khởi kiện đối với các quyết định:

1.1 Quyết định số 9173/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về cưỡng chế thu hồi đất.

1.2 Quyết định số 9862/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 9173/QĐ-UBND ngày 27/10/2016.

1.3 Bản án sơ thẩm có hiệu lực một phần đối với các nội dung này.

2. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Minh Th, bà Nguyễn Thị Kim Th1. Sửa bản án sơ thẩm.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Th, bà Nguyễn Thị Kim Th1.

3.1. Hủy một phần Quyết định số 5762/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận B về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà số 30/1A (hộ tách) đường Ng, Phường 22, quận B của ông Lê Minh Th, bà Nguyễn Thị Kim Th1 đối với nội dung bồi thường và tái định cư.

3.2. Hủy Quyết định số 5654/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của Ủy ban nhân dân quận B về việc điều chỉnh Điều 1, Điều 2 Quyết định 5762/QĐ-UBND ngày 05/6/2013.

3.3. Hủy Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 của Ủy ban nhân dân quận B về bổ sung Điều 1 của Quyết định số 5654/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của Ủy ban nhân dân quận B.

3.4. Hủy Quyết định số 9534/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 của Ủy ban nhân dân quận B về việc điều chỉnh bổ sung Quyết định số 5654/QĐ-UBND ngày 12/08/2014 của Ủy ban nhân dân quận Bvề việc áp giá bồi thường 54.000.000 đồng/m^2.

3.5. Huỷ Quyết định số 2898/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của Ủy ban nhân dân quận B về việc điều chỉnh Quyết định số 5654/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của Ủy ban nhân dân quận B.

3.6. Hủy Quyết định số9496/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Minh Th, bà Nguyễn Thị Kim Th1.

4. Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật, phải ban hành lại Quyết định theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí:

5.1 Uỷ ban nhân dân quận B và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân quận Bphải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

5.2 Ông Lê Minh Th, bà Nguyễn Thị Kim Th1 không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Th và bà Th1200.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0031148 ngày 22/9/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và hoàn lại mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu số 0044864 và 0044865 cùng ngày 18/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
–Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh (1);
– TAND thành phố Hồ Chí Minh(1);
– VKSND thành phố Hồ Chí Minh (1);
– Cục THADS thành phố Hồ Chí Minh (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

– Các đương sự (4);
– Lưu HS (2). VP(6). 18b (BA36).

Vũ Ngọc Huynh